

Bản án số: 87/2022/DS-ST  
Ngày: 30/9/2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Bảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tấn Đẻ

Ông Nguyễn Tấn Hưng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Mãi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Võ Việt C**, sinh năm 1980

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1966 và bà **Lâm Thị N**, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1977

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông **Võ Việt C**, sinh năm 1980

theo văn bản ủy quyền ngày 06/9/2022.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Võ Việt C trình bày: Do chỗ quen biết nên vào ngày 15/8/2017 vợ chồng ông H, bà N có hỏi mượn của ông số tiền 93.000.000đồng để xoay xở trong gia đình, ông H có ký "giấy mượn nợ". Hai bên thỏa thuận ông cho trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ, không tính lãi. Sau đó vợ chồng ông H không trả, mỗi lần ông đòi đều nói không có tiền. Do đó ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà N trả lại tiền gốc 93.000.000đồng và tiền lãi từ tháng 01/2018 đến nay với mức lãi suất 1,5%/tháng.

\* Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông xác định là ông không có hỏi mượn tiền của ông C, từ trước đến nay không vay của ông C lần nào. Trước đây không nhớ rõ thời gian do lâu quá, vợ chồng ông có chơi hụi của bà Bảy L1 (không biết rõ họ tên, không biết địa chỉ, hiện nay cũng không biết đi đâu) và nợ 2 chân hụi 10 lần đóng, nợ hụi là khoảng 20.000.000đồng, rồi bà L1 kêu ông ký giấy nợ cho bà L1. Ông thấy không giống chữ ký của ông trong "giấy mượn nợ" ngày 15/8/2017, ông yêu cầu nguyên đơn xuất trình bản gốc, đề nghị giám định khi cần thiết. Ông trình bày sự thật là ông chỉ học được đến lớp 1, không biết nhiều chữ, ký tên thì chỉ viết được mỗi chữ. Trước đây vợ chồng ông có nợ hụi bà L1 rồi bà L1 đưa tờ giấy gì đó ông không rõ, kêu ông ký tên thì ông ký chứ ông không có hỏi mượn tiền gì của ông C. Ông xác định là ông không có vay, không có nợ tiền của ông C nên không đồng ý với yêu cầu của ông C.

\* Bị đơn bà Lâm Thị N trình bày: Bà xác định là vợ chồng bà không có hỏi mượn tiền của ông C, từ trước đến nay không vay của ông C lần nào. Trước đây khoảng 4-5 năm (do lâu quá không nhớ rõ), vợ chồng bà có chơi hụi của bà Bảy L1 (không biết rõ họ tên, không biết địa chỉ, hiện nay cũng không biết đi đâu) và nợ 2 chân hụi 10 lần đóng, nợ hụi là khoảng 20.000.000đồng. Bà Bảy L1 nợ tiền của ông C rồi đưa tờ giấy kêu bà ký tên nhưng bà không đồng ý vì bà không có nợ của ông C. Bà chỉ nợ tiền hụi bà Bảy L1, chứ không nợ tiền gì của ông C nên không đồng ý yêu cầu của ông C.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L thống nhất

với lời trình bày và yêu cầu của ông C.

**Tại phiên tòa sơ thẩm:**

Nguyên đơn ông C yêu cầu vợ chồng ông H, bà N trả lại tiền gốc là 93.000.000đồng, xin rút lại yêu cầu tính lãi suất. Còn vợ chồng ông H, bà N không đồng ý vì cho rằng không có vay của ông C.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc vợ chồng ông H trả số tiền vay gốc là 93.000.000đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Võ Việt C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị N trả số tiền vay. Do đó theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, ông C chỉ yêu cầu vợ chồng ông H, bà N có trách nhiệm trả lại số tiền gốc, rút lại yêu cầu tính lãi suất. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của ông C.

[3] Ông C khởi kiện cho rằng ngày 15/8/2017 vợ chồng ông H, bà N có hỏi mượn của ông số tiền 93.000.000đồng, ông H có ký "giấy mượn nợ". Hai bên thỏa thuận ông cho trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ, không tính lãi. Sau đó vợ chồng ông H không trả, mỗi lần ông đòi đều nói không có tiền nên ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H trả lại tiền gốc 93.000.000đồng; còn vợ chồng ông H, bà N xác định là ông bà không có vay, không có nợ tiền của ông C nên không đồng ý với yêu cầu của ông C.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo "giấy mượn nợ" ngày 15/8/2017 thể hiện ông H có ký tên "mượn" của ông C số tiền 93.000.000đồng, cách thức trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng (bút lục 34). Còn ông H khi thì khai rằng thấy không giống chữ ký của ông trong "giấy mượn nợ" ngày 15/8/2017, ông yêu cầu nguyên đơn xuất trình bản gốc, đề nghị giám định khi cần thiết. Tại Kết luận giám định số 752/KL-KTHS ngày 24/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đã kết luận "Chữ ký đọc được dạng chữ viết H mang tên Nguyễn Văn H trên mẫu cần giám định so với chữ ký đọc được dạng chữ viết H mang tên Nguyễn Văn H trên các mẫu so sánh do cùng một người ký ra; chữ viết ghi họ tên Nguyễn Văn H trên mẫu cần giám định so với chữ viết ghi họ tên Nguyễn Văn H trên mẫu so sánh do cùng một người viết ra". Như vậy có đủ cơ sở để kết luận ông H có ký tên trong "giấy mượn nợ" ngày 15/8/2017.

Ông H còn khai rằng trước đây không nhớ rõ thời gian do lâu quá, vợ chồng ông có chơi hụi của bà Bảy L1 và nợ 2 chân hụi 10 lần đóng, nợ hụi là khoảng 20.000.000đồng, rồi bà L1 kêu ông ký giấy nợ cho bà L1; bà N khai bà Bảy L1 nợ tiền của ông C rồi đưa tờ giấy kêu bà ký tên nhưng bà không đồng ý vì bà không có nợ của ông C. Bà chỉ nợ tiền hụi bà Bảy L1, chứ không nợ tiền gì của ông C. Tuy nhiên vợ chồng ông H, bà N xác định không biết rõ họ tên bà Bảy L1, không biết địa chỉ, hiện nay cũng không biết đi đâu. Tòa án đã ra thông báo số 05/TB-TA ngày 08/3/2022 yêu cầu ông H, bà N phải cung cấp cho Tòa án đầy đủ họ tên, địa chỉ cư trú hiện nay của bà Bảy L1 để chứng minh cho lời khai của mình. Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông H không cung cấp được.

Theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó; đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập

được có trong hồ sơ vụ việc. Nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ do Tòa án yêu cầu mà không có lý do chính đáng thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật này để giải quyết vụ việc dân sự.

Xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông H, bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai nại của mình, cũng không cung cấp được chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Trong khi nguyên đơn ông C đã thực hiện nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là "giấy mượn nợ" ngày 15/8/2017 thể hiện ông H có ký tên "mượn" của ông C số tiền 93.000.000đồng.

[4] Tòa án đã ra Thông báo số 05/TB-TA ngày 08/3/2022 yêu cầu ông H, bà N phải cung cấp cho Tòa án đầy đủ họ tên, địa chỉ cư trú hiện nay của bà Bảy L1 nhưng vợ chồng ông H không cung cấp được. Đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, không có ai cung cấp hoặc giao nộp cho Tòa án nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông H, bà N phải trả cho ông C số tiền là 93.000.000đồng (chín mươi ba triệu đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Ông H, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là  $93.000.000\text{đồng} \times 5\% = 4.650.000\text{đồng}$ .

[7] Về chi phí giám định: Căn cứ Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông H, bà N phải chịu chi phí giám định là 3.570.000đồng.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi suất của ông Võ Việt C.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Việt C.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị N phải trả cho ông Võ Việt C số tiền vay gốc là 93.000.000đồng (chín mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Ông H, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.650.000đồng (bốn triệu sáu trăm năm chục nghìn đồng).

Ông C được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.964.000đồng (ba triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) theo lai thu số 0005114 ngày 17/11/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4. Về chi phí giám định: Ông H, bà N phải chịu chi phí giám định là 3.570.000đồng. Do ông C đã nộp cho cơ quan chuyên môn nên ông H, bà N có nghĩa vụ trả lại cho ông C số tiền 3.570.000đồng (ba triệu năm trăm bảy chục nghìn đồng).

5. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Văn Bảnh**